**Câu 1:** Quốc lộ 1 **không** đi qua vùng kinh tế nào sau đây?

**A.** Đông Nam Bộ. **B.** Tây Nguyên.

**C.** Duyên Hải Nam Trung Bộ. **D.** Bắc Trung Bộ.

**Câu 3:** Tuyến vận tải đường sắt quan trọng nhất nước ta là

**A.** đường sắt Thống Nhất. **B.** Hà Nội - Lào Cai.

**C.** Hà Nội - Hải Phòng. **D.** Hà Nội - Đồng Đăng.

**Câu 5:** Loại hình nào sau đây **không** thuộc mạng lưới thông tin liên lạc?

**A.** mạng điện thoại. **B.** mạng phi thoại. **C.** mạng truyền dẫn. **D.** mạng kĩ thuật số.

**Câu 7:** Các loại hình giao thông vận tải nào sau đây ở nước ta có nhiều lợi thế trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới?

**A.** Đường biển và đường sắt. **B.** Đường bộ và đường sông.

**C.** Đường bộ và đường hàng không. **D.** Đường hàng không và đường biển.

**Câu 9:** Điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông đường biển nước ta là

**A.** có nhiều cảng nước sâu và cụm cảng quan trọng.

**B.** khối lượng hàng hóa luân chuyển tương đối lớn.

**C.** đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh rộng, kín gió.

**D.** các tuyến đường ven bờ chủ yếu hướng bắc - nam.

**Câu 11:** Ngành viễn thông nước ta có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Có tính phục vụ cao, mạng lưới rộng khắp. **B.** Công nghệ còn lạc hậu, nghiệp vụ thủ công.

**C.** Chưa đạt được chuẩn của quốc tế và khu vực. **D.** Tốc độ phát triển nhanh vượt bậc, dần hiện đại.

**Câu 13:** Sau Đổi mới, hoạt động buôn bán của nước ta ngày càng mở rộng theo hướng

**A.** chú trọng vào thị trường Nga và Đông Âu. **B.** chủ yếu tập trung vào thị trường Đông Nam Á.

**C.** đa dạng hoá, đa phương hoá thị trường. **D.** chủ yếu tập trung vào thị trường Trung Quốc.

**Câu 15:** Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của nước ta là

**A.** công nghiệp nặng và khoáng sản. **B.** hàng tiêu dùng.

**C.** nguyên liệu, tư liệu sản xuất. **D.** công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.

**Câu 17:** Nhân tố nào sau đây tác động chủ yếu đến sự đa dạng loại hình du lịch ở nước ta hiện nay?

**A.** Tài nguyên du lịch và nhu cầu của du khách trong, ngoài nước.

**B.** Nhu cầu của du khách trong, ngoài nước và điều kiện phục vụ.

**C.** Định hướng ưu tiên phát triển du lịch và các nguồn vốn đầu tư.

**D.** Lao động làm du lịch và cơ sở vật chất kĩ thuật, cơ sở hạ tầng.

**Câu 19:** Đồng bằng sông Hồng tập trung nhiều di tích, lễ hội, các làng nghề truyền thống là do

**A.** nền kinh tế-xã hội phát triển nhanh. **B.** thành phần dân cư, dân tộc đa dạng.

**C.** vị trí tiếp xúc các luồng di cư lớn. **D.** lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời.

**Câu 21:** Xu hướng chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế của hoạt động nội thương ở nước ta là

**A.** tăng tỉ trọng khu vực nhà nước, giảm tỉ trọng khu vực ngoài nhà nước.

**B.** tăng tỉ trọng khu vực ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

**C.** giảm tỉ trọng khu vực nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

**D.** tăng tỉ trọng khu vực nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

**Câu 23:** Nguồn thức ăn cho chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi nước ta chủ yếu dựa vào

**A.** hoa màu lương thực. **B.** phụ phẩm thủy sản. **C.** thức ăn công nghiệp. **D.** đồng cỏ tự nhiên.

**Câu 25:** Ý nghĩa lớn nhất của việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** tạo ra động lực mới cho sự phát triển của vùng. **B.** điều tiết lũ trên các sông và phát triển du lịch.

**C.** thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa trong vùng. **D.** đẩy mạnh khai thác và chế biến khoáng sản.

**Câu 27:** Nguyên nhân quan trọng nhất để vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trồng được cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt là do có

**A.** lao động có truyền thống, kinh nghiệm. **B.** khí hậu cận nhiệt đới và có mùa đông lạnh.

**C.** nhiều bề mặt cao nguyên đá vôi bằng phẳng. **D.** đất feralit, đất xám phù sa cổ bạc màu.

**Câu 29:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về hạn chế tự nhiên chủ yếu của Đồng bằng sông Hồng?

**A.** Thiếu nguyên liệu cho phát triển công nghiệp. **B.** Một số tài nguyên thiên nhiên đang xuống cấp.

**C.** Có nhiều thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán… **D.** Hiện tượng xâm nhập mặn diễn ra nghiêm trọng.

**Câu 31:** Hạn chế lớn nhất đối với việc phát triển công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

**A.** chất lượng nguồn lao động còn hạn chế. **B.** cơ sở vật - chất kĩ thuật chưa đồng bộ.

**C.** thiếu kinh nghiệm. **D.** thiếu nguyên liệu.

**Câu 33:** Thế mạnh nào sau đây tạo cho Đồng bằng sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông?

**A.** Đất phù sa màu mỡ. **B.** Nguồn nước phong phú.

**C.** Khí hậu có mùa đông lạnh. **D.** Ít có thiên tai.

**Câu 35:** Phát biểu nào sau đây đúng về định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ khu vực I ở Đồng bằng sông Hồng?

**A.** Tăng tỉ trọng cây lương thực; giảm cây công nghiệp, cây thực phẩm.

**B.** Giảm tỉ trọng ngành trồng trọt; tăng ngành chăn nuôi và thủy sản.

**C.** Giảm tỉ trọng cây lương thực và cây công nghiệp; tăng cây ăn quả.

**D.** Tăng tỉ trọng ngành trồng trọt; giảm ngành chăn nuôi và thủy sản.

**Câu 37:** Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Đồng bằng sông Hồng nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

**A.** Tăng trưởng kinh tế nhanh; giải quyết tốt các vấn đề xã hội, môi trường.

**B.** Đẩy nhanh công nghiệp hóa và hiện đại hóa; giải quyết vấn đề việc làm.

**C.** Phát huy các tiềm năng có sẵn; giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường.

**D.** Phát triển nhanh đô thị hóa; giải quyết vấn đề về tài nguyên, môi trường.

**Câu 39:** Vùng gò đồi trước núi của Bắc Trung Bộ có thế mạnh về

**A.** chăn nuôi đại gia súc. **B.** cây công nghiệp hàng năm.

**C.** chăn nuôi gia cầm. **D.** cây lương thực và nuôi lợn.

**Câu 41:** Vấn đề có ý nghĩa hàng đầu đối với sự hình thành cơ cấu kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ là

**A.** phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm.

**B.** phát triển vùng trọng điểm trồng cây lương thực, thực phẩm.

**C.** vấn đề phát triển ngành nuôi trồng thủy sản.

**D.** hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp.

**Câu 43:** Từ Tây sang Đông ở Bắc Trung Bộ thuận lợi để hình thành cơ cấu kinh tế theo không gian là

**A.** nông - lâm - ngư nghiệp. **B.** lâm - nông - ngư nghiệp.

**C.** ngư - nông - lâm nghiệp. **D.** ngư - lâm - nông nghiệp.

**Câu 45:** Việc hình thành cơ cấu nông lâm ngư nghiệp vùng Bắc Trung Bộ có ý nghĩa lớn nhất là

**A.** tạo nên thế liên hoàn trong phát triển kinh tế. **B.** giải quyết nhiều việc làm cho người lao động.

**C.** giúp hình thành các mô hình sản xuất mới. **D.** tạo nên các sản phẩm thế mạnh của vùng.

**Câu 47:** Duyên hải Nam Trung Bộ có tiềm năng nổi bật nhất trong phát triển hoạt động kinh tế nào sau đây?

**A.** Kinh tế biển. **B.** Sản xuất lương thực. **C.** Thủy điện. **D.** Khai thác khoáng sản.

**Câu 49:** Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa lần lượt thuộc các tỉnh, thành phố nào của nước ta?

**A.** Thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Ngãi. **B.** Tỉnh Quảng Ngãi và thành phố Đã Nẵng.

**C.** Tỉnh Khánh Hòa và thành phố Đà Nẵng. **D.** Thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa.

**Câu 51:** Thế mạnh về tự nhiên nào sau đây là quan trọng nhất để phát triển khai thác thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ ?

**A.** Nhiều vụng, đầm phá, bãi triều. **B.** Bờ biển dài, có các ngư trường lớn.

**C.** Ít chịu ảnh hưởng của bão và gió mùa Đông Bắc. **D.** Bờ biển có nhiều vịnh để xây dựng cảng cá.

**Câu 53:** Vấn đề cần quan tâm nhất trong phát triển công nghiệp ở Duyên hải Nam Trung bộ là

**A.** giải quyết tốt vấn đề năng lượng. **B.** giải quyết vấn đề ô nhiễm nguồn nước.

**C.** nâng cao chất lượng nguồn lao động. **D.** xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông vận tải.

**Câu 55:** Thế mạnh để phát triển tổng hợp kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** nghề cá, du lịch biển, dịch vụ hàng hải, khai khoáng.

**B.** khai thác khoáng sản ở thềm lục địa, giao thông biển.

**C.** du lịch biển, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

**D.** giao thông vận tải biển, nuôi trồng thủy sản.

**Câu 57:** Vị trí địa lí của Tây Nguyên **không** tiếp giáp với

**A.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **B.** Đông Nam Bộ.

**C.** Lào và CamPuChia. **D.** Biển Đông.

**Câu 59:** Việc phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Tây nguyên có ý nghĩa xã hội chủ yếu nào sau đây?

**A.** Giải quyết việc, tạo ra tập quán sản xuất mới. **B.** Thúc đẩy hình thành nông trường quốc doanh.

**C.** Cung cấp sản phẩm cho nhu cầu ở trong nước. **D.** Tạo ra khối lượng nông sản lớn cho xuất khẩu.

**Câu 61:** Giải pháp nào sau đây là quan trọng nhất để nâng cao giá trị sản xuất của cây công nghiệp ở Tây Nguyên?

**A.** Mở rộng thêm diện tích trồng trọt. **B.** Đẩy mạnh chế biến sản phẩm.

**C.** Đa dạng hóa cơ cấu cây trồng. **D.** Quy hoạch các vùng chuyên canh.

**Câu 63:** Tây Nguyên là vùng đứng đầu cả nước về

**A.** diện tích cây ăn quả. **B.** sản lượng cây cao su. **C.** trữ năng thủy điện. **D.** diện tích cây cà phê.

**Câu 65:** Tây Nguyên phát triển được các vùng chuyên canh cây công nghiệp quy mô lớn là nhờ lợi thế

**A.** khí hậu nhiệt ẩm cao. **B.** khí hậu phân hóa theo đai cao.

**C.** địa hình cao nguyên bằng phẳng. **D.** sinh vật phong phú, đa dạng.

**Câu 67:** Đâu là thế mạnh tự nhiên tiêu biểu của vùng Đông Nam Bộ?

**A.** Dân cư đông, nguồn lao động dồi dào. **B.** Cơ sở hạ tầng ngày càng được nâng cao.

**C.** Tài nguyên dầu khí ở thềm lục địa rất lớn. **D.** Trình độ phát triển kinh tế cao nhất cả nước.

**Câu 69:** Đặc điểm nổi bật của lao động nông nghiệp ở Đông Nam Bộ là có

**A.** khả năng thích ứng nhanh với cơ chế thị trường.

**B.** trình độ cao trong khai thác, chế biến thủy hải sản.

**C.** kinh nghiệm trong đấu tranh, chinh phục tự nhiên.

**D.** trình độ thâm canh cây lương thực cao nhất cả nước.

**Câu 71:** Nhân tố nào là quan trọng nhất giúp Đông Nam Bộ có vị trí hàng đầu trong sự phát triển kinh tế của nước ta?

**A.** Có vị trí địa lí đặc biệt quan trọng ở phía Nam.

**B.** Có sự tích tụ lớn về vốn, kĩ thuật, thu hút đầu tư.

**C.** Có cơ sở hạ tầng giao thông vận tải tương đối tốt.

**D.** Có thị trường tiêu thụ rộng lớn nhất của cả nước.

**Câu 73:** Việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp ở Đông Nam Bộ đặt ra vấn đề cấp bách là

**A.** xây dựng cơ sở hạ tầng. **B.** tăng cường cơ sở năng lượng.

**C.** thu hút lao động có kĩ thuật. **D.** đào tạo nhân công lành nghề.

**Câu 75:** Cơ sở năng lượng điện là ưu tiên hàng đầu trong việc phát triển công nghiệp theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ chủ yếu vì

**A.** vùng có nhu cầu rất lớn về năng lượng. **B.** các nhà máy điện ở đây có quy mô nhỏ.

**C.** mạng lưới điện năng còn kém phát triển. **D.** cơ sở năng lượng điện của vùng hạn chế.

**Câu 77:** Nhiệm vụ quan trọng nhất trong việc hướng tới mục tiêu phát triển công nghiệp một cách bền vững ở Đông Nam Bộ là

**A.** hình thành thêm nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất.

**B.** tăng cường đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng.

**C.** phát triển công nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường.

**D.** phát triển mạnh công nghiệp khai thác dầu.

**Câu 79:** Hạn chế lớn nhất về tự nhiên để phát triển nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** ngập lụt và triều cường. **B.** tài nguyên rừng đang suy giảm.

**C.** diện tích đất phèn, đất mặn lớn. **D.** tài nguyên khoáng sản hạn chế.

**Câu 81:** Điều kiện tự nhiên nào sau đây **không** phải là thuận lợi để Đồng bằng sông Cửu Long trở thành vùng trọng điểm lúa số một ở nước ta?

**A.** Sông ngòi dày đặc. **B.** Diện tích đất phèn và đất mặn lớn.

**C.** Tiềm năng lớn về đất phù sa ngọt. **D.** Khí hậu nhiệt đới nóng quanh năm.

**Câu 83:** Khó khăn chủ yếu về tự nhiên của đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** xâm nhập mặn vào sâu trong đất liền. **B.** bão và áp thấp nhiệt đới.

**C.** cát bay, cát chảy lấn chiếm ruộng vườn. **D.** đất bị bạc màu.

**Câu 85:** Hạn chế chủ yếu trong sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** địa hình thấp, lũ kéo dài, có các vùng đất rộng lớn bị ngập sâu.

**B.** một số loại đất thiếu dinh dưỡng hoặc quá chặt, khó thoát nước.

**C.** phần lớn diện tích là đất phèn, đất mặn; có một mùa khô sâu sắc.

**D.** sông ngòi, kênh rạch chằng chịt; bề mặt đồng bằng bị cắt xẻ lớn.

**Câu 87:** Nước ngọt là vấn đề quan trọng hàng đầu đối với việc sử dụng hợp lí đất đai ở Đồng bằng sông Cửu Long vì

**A.** nước ngọt rất cần thiết cho phát triển nuôi trồng thủy sản.

**B.** đất bị nhiễm phèn, nhiễm mặn, cần nước ngọt để cải tạo.

**C.** thiếu nước ngọt cho đời sống sinh hoạt và sản xuất.

**D.** thiếu nước ngọt cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.

**Câu 89:** Vùng Đồng bằng sông Cửu Long có ngành chăn nuôi gia súc và gia cầm phát triển mạnh chủ yếu do

**A.** khí hậu cận xích đạo có sự phân hóa sâu sắc, nhiều giống vật nuôi tốt.

**B.** nguồn thức ăn cho chăn nuôi phong phú, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

**C.** lực lượng lao động dồi dào, có kinh nghiệm trong phát triển chăn nuôi.

**D.** sử dụng nhiều giống gia súc, gia cầm có giá trị kinh tế cao trong chăn nuôi.